

# CÔNG BỐ THÔNG TIN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM NIÊM YẾT TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI GIAI ĐOẠN 2020-2024

Nguyễn Anh Tú<sup>1</sup>, Nguyễn Thùy Linh<sup>1</sup>

Email: tuna@hou.edu.vn. ORCID: 0008-0265-9681

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 16/02/2026

Ngày phản biện đánh giá: 17/04/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 14/05/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1246

**Tóm tắt:** Nghiên cứu này phân tích mức độ công bố thông tin phát triển bền vững (PTBV) của 09 doanh nghiệp bảo hiểm niêm yết trên HOSE (Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM) và HNX (Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) trong giai đoạn 2020-2024. Trên cơ sở báo cáo thường niên công bố chính thức, bài viết sử dụng phương pháp phân tích nội dung và xây dựng chỉ số công bố (SDI) theo 5 nhóm tiêu chí: môi trường, xã hội và người lao động, quản trị doanh nghiệp, cộng đồng và trách nhiệm xã hội, mục tiêu và cam kết phát triển bền vững. Kết quả cho thấy mức công bố của toàn mẫu tăng khá rõ, từ 0,73 năm 2020 lên 0,93 năm 2024; bình quân giai đoạn đạt 0,85. Tuy vậy, sự khác biệt giữa các doanh nghiệp vẫn còn đáng kể. Nghiên cứu góp phần bổ sung bằng chứng thực nghiệm cho nhóm doanh nghiệp bảo hiểm niêm yết tại Việt Nam, đồng thời gợi mở hàm ý về nâng cao chất lượng và tính thống nhất của công bố thông tin phát triển bền vững.

**Từ khóa:** công bố thông tin phát triển bền vững, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp niêm yết, HOSE, HNX, báo cáo thường niên, chỉ số công bố

## I. Đặt vấn đề

Phát triển bền vững đang trở thành yêu cầu quan trọng đối với doanh nghiệp niêm yết. Nhà đầu tư và cơ quan quản lý không chỉ xem xét kết quả tài chính, mà còn quan tâm đến trách nhiệm môi trường, chính sách với người lao động, hoạt động cộng đồng, chất lượng quản trị và định hướng dài hạn. Vì vậy, công bố thông tin phát triển bền vững ngày càng gắn với tính minh bạch và năng lực quản trị.

Tại Việt Nam, giai đoạn 2020-2024 là thời kỳ phù hợp để quan sát sự thay đổi này. Thông tư 96/2020/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 đã tạo khuôn khổ pháp lý quan trọng cho hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, trong đó báo cáo thường niên là kênh công bố chính thức. Dù vậy, thực tế công bố vẫn chưa đồng đều; nhiều nội dung còn ngắn, chung chung hoặc thiếu số liệu cụ thể (Bộ Tài chính, 2020; PwC Vietnam, 2023).

---

<sup>1</sup> Khoa Tài chính - Ngân hàng, Hà Nội, Việt Nam

Doanh nghiệp bảo hiểm cần được xem xét riêng. Nhóm này không chịu áp lực môi trường trực tiếp như sản xuất, nhưng lại gắn chặt với quản trị rủi ro, niềm tin khách hàng, khả năng chi trả dài hạn và quản lý nguồn vốn lớn. Vì thế, công bố thông tin phát triển bền vững trong ngành bảo hiểm không chỉ thể hiện trách nhiệm xã hội, mà còn phản ánh mức độ minh bạch và sự chủ động trong quản trị (Chiaramonte và cộng sự, 2020; Marti và cộng sự, 2024).

Các nghiên cứu tại Việt Nam hiện chủ yếu tập trung vào doanh nghiệp niêm yết nói chung, công bố môi trường hoặc báo cáo tích hợp. Nhóm doanh nghiệp bảo hiểm niêm yết trên HOSE và HNX chưa được phân tích riêng một cách hệ thống, nhất là trong giai đoạn sau khi Thông tư 96/2020/TT-BTC có hiệu lực. Đây là khoảng trống về đối tượng ngành và giai đoạn dữ liệu mà nghiên cứu này hướng tới.

Bài viết đo lường và mô tả mức độ công bố thông tin phát triển bền vững của 09 doanh nghiệp bảo hiểm niêm yết trên HOSE và HNX giai đoạn 2020-2024. Nghiên cứu trả lời hai câu hỏi: mức độ công bố thay đổi như thế nào theo thời gian và sự khác biệt giữa các doanh nghiệp thể hiện ra sao qua chỉ số công bố. Trên cơ sở báo cáo thường niên, bài viết sử dụng phân tích nội dung và xây dựng chỉ số SDI theo 5 nhóm tiêu chí: môi trường, xã hội và người lao động, quản trị doanh nghiệp, cộng đồng và trách nhiệm xã hội, mục tiêu và cam kết phát triển bền vững.

## II. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Công bố thông tin phát triển bền vững

Ở cấp độ doanh nghiệp, phát triển bền vững là định hướng tạo giá trị kinh tế dài hạn, đồng thời quan tâm đến môi

trường, người lao động, cộng đồng và chất lượng quản trị. Theo đó, công bố thông tin phát triển bền vững là việc doanh nghiệp trình bày công khai các nội dung về trách nhiệm môi trường, chính sách nhân sự, quản trị doanh nghiệp, hoạt động cộng đồng và cam kết phát triển dài hạn.

Khác với thông tin tài chính, thông tin phát triển bền vững thường mang tính mô tả. Vì vậy, nhiều nghiên cứu thực nghiệm lượng hóa mức độ công bố bằng chỉ số công bố để so sánh giữa doanh nghiệp và giữa các năm (Papoutsis và Sodhi, 2020).

### 2.2. Đặc thù công bố thông tin phát triển bền vững của doanh nghiệp bảo hiểm

Doanh nghiệp bảo hiểm không chịu áp lực môi trường trực tiếp như doanh nghiệp sản xuất, nhưng lại gắn chặt với quản trị rủi ro, niềm tin khách hàng, khả năng chi trả dài hạn và quản lý nguồn vốn lớn. Vì vậy, công bố thông tin phát triển bền vững trong ngành bảo hiểm không chỉ thể hiện trách nhiệm xã hội, mà còn cho thấy mức độ minh bạch và sự chủ động trong quản trị.

Các nội dung như quản trị rủi ro, tuân thủ, đạo đức kinh doanh, chính sách với người lao động, hoạt động cộng đồng và cam kết dài hạn có ý nghĩa rõ trong ngành bảo hiểm. Chiaramonte và cộng sự (2020) cho thấy thực hành phát triển bền vững có liên hệ với sự ổn định của doanh nghiệp bảo hiểm. Marti và cộng sự (2024) cũng nhấn mạnh vai trò của minh bạch thông tin đối với khách hàng, nhà đầu tư và các bên liên quan.

### 2.3. Khung lý thuyết giải thích hành vi công bố

Nghiên cứu dựa trên hai lý thuyết chính: lý thuyết các bên liên quan và lý

thuyết tính chính danh. Theo lý thuyết các bên liên quan, doanh nghiệp chịu sức ép từ cổ đông, khách hàng, người lao động, cơ quan quản lý, đối tác và cộng đồng. Với doanh nghiệp bảo hiểm, sức ép này rõ hơn vì sản phẩm bảo hiểm dựa nhiều vào niềm tin và cam kết dài hạn. Do đó, công bố thông tin phát triển bền vững là cách doanh nghiệp đáp ứng kỳ vọng về minh bạch, trách nhiệm và quản trị rủi ro (Roberts, 1992).

Theo lý thuyết tính chính danh, doanh nghiệp cần cho thấy hoạt động của mình phù hợp với chuẩn mực và kỳ vọng xã hội. Khi phát triển bền vững được quan tâm nhiều hơn, doanh nghiệp có động cơ trình bày rõ hơn thông tin về môi trường, người lao động, quản trị, cộng đồng và cam kết dài hạn để củng cố hình ảnh có trách nhiệm (Suchman, 1995).

Từ hai lý thuyết trên, nghiên cứu xây dựng chỉ số công bố theo 5 nhóm tiêu chí: môi trường; xã hội và người lao động; quản trị doanh nghiệp; cộng đồng; mục tiêu và cam kết phát triển bền vững. Năm nhóm này phù hợp với doanh nghiệp bảo hiểm vì cùng phản ánh yêu cầu về niềm tin, trách nhiệm, quản trị rủi ro và ổn định dài hạn. Đây là khung lý thuyết để giải thích vì sao doanh nghiệp bảo hiểm có động cơ công bố các nội dung này.

#### **2.4. Nghiên cứu liên quan và khoảng trống nghiên cứu**

Các nghiên cứu trước cho thấy công bố thông tin phát triển bền vững ngày càng được quan tâm, nhưng mức độ công bố khác biệt giữa quốc gia, ngành và từng doanh nghiệp. Du Toit (2024) cho rằng bằng chứng từ các thị trường mới nổi còn hạn chế. Tại Việt Nam, Nguyen và cộng sự (2019) ghi nhận mức công bố thông tin môi trường của doanh nghiệp niêm yết

còn thấp; Nguyen và cộng sự (2022) cho thấy mức công bố trong báo cáo tích hợp chưa cao; Phan và cộng sự (2024) chỉ ra sự khác biệt đáng kể giữa các doanh nghiệp niêm yết.

Tuy nhiên, phần lớn nghiên cứu trong nước xem xét doanh nghiệp niêm yết nói chung hoặc các ngành có tác động môi trường rõ hơn. Nhóm doanh nghiệp bảo hiểm niêm yết trên HOSE và HNX chưa được phân tích riêng một cách hệ thống trong giai đoạn 2020-2024. Vì vậy, nghiên cứu này bổ sung bằng chứng cho một ngành có đặc thù về rủi ro, niềm tin và quản lý vốn dài hạn.

### **III. Phương pháp nghiên cứu**

#### **3.1. Cách tiếp cận nghiên cứu**

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng mô tả, kết hợp phân tích nội dung báo cáo thường niên để đo lường mức độ công bố thông tin phát triển bền vững của các doanh nghiệp bảo hiểm niêm yết trên HOSE và HNX giai đoạn 2020-2024. Cách tiếp cận này phù hợp với mục tiêu mô tả thực trạng công bố, so sánh giữa các doanh nghiệp và nhận diện xu hướng thay đổi theo thời gian. Nghiên cứu không nhằm kiểm định quan hệ nhân quả.

Thông tin trong báo cáo thường niên được đọc, phân loại và chấm điểm theo bộ tiêu chí xác định trước. Từ đó, chỉ số SDI được tính cho từng doanh nghiệp theo từng năm.

#### **3.2. Dữ liệu và mẫu nghiên cứu**

Dữ liệu được thu thập từ báo cáo thường niên công bố chính thức của các doanh nghiệp bảo hiểm và tái bảo hiểm niêm yết trên HOSE và HNX. Báo cáo thường niên được chọn vì đây là tài liệu công khai, có tính bắt buộc đối với doanh

nghiệp niêm yết và phản ánh trực tiếp các nội dung doanh nghiệp công bố về hoạt động, quản trị và trách nhiệm xã hội.

Mẫu nghiên cứu gồm 9 doanh nghiệp có đầy đủ báo cáo thường niên trong giai đoạn 2020-2024, tương ứng 45 quan sát doanh nghiệp-năm. Nghiên cứu

không bao gồm doanh nghiệp bảo hiểm trên UPCoM, doanh nghiệp chưa niêm yết hoặc doanh nghiệp thiếu báo cáo trong giai đoạn nghiên cứu. Cách giới hạn này giúp bảo đảm khả năng so sánh trong cùng nhóm doanh nghiệp bảo hiểm niêm yết.

Bảng 1. Mẫu nghiên cứu và phạm vi dữ liệu

STT	Mã cổ phiếu	Tên doanh nghiệp	Sàn niêm yết	Số năm quan sát	Hình thức công bố PTBV trong BCTN giai đoạn 2020-2024	Nguồn dữ liệu
1	BIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	HOSE	5	Không ổn định	Đủ 5 BCTN 2020-2024
2	BMI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	HOSE	5	Có	Đủ 5 BCTN 2020-2024
3	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	HOSE	5	Có	Đủ 5 BCTN 2020-2024
4	MIG	Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	HOSE	5	Có	Đủ 5 BCTN 2020-2024
5	PGI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	HOSE	5	Có	Đủ 5 BCTN 2020-2024
6	PRE	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Hà Nội	HNX	5	Có	Đủ 5 BCTN 2020-2024
7	PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	HNX	5	Không ổn định	Đủ 5 BCTN 2020-2024
8	PVI	Công ty Cổ phần PVI	HNX	5	Có	Đủ 5 BCTN 2020-2024
9	VNR	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	HNX	5	Có	Đủ 5 BCTN 2020-2024

(Nguồn: Tác giả tổng hợp theo BCTN của các doanh nghiệp)

### 3.3. Xây dựng chỉ số công bố thông tin phát triển bền vững

Chỉ số SDI được xây dựng theo 5 nhóm tiêu chí: môi trường; xã hội và người lao động; quản trị doanh nghiệp; cộng đồng và trách nhiệm xã hội; mục tiêu, cam kết hoặc định hướng phát triển bền vững. Các tiêu chí này phản ánh những nội dung phổ biến trong công bố phát triển bền vững, đồng thời phù hợp với đặc thù doanh nghiệp bảo hiểm, nơi

quản trị rủi ro, niềm tin, người lao động, cộng đồng và định hướng dài hạn có ý nghĩa quan trọng.

Mỗi tiêu chí được chấm theo thang điểm 0-2. Mức 0 là không có công bố; mức 1 là có công bố nhưng ngắn, chung chung hoặc mang tính hình thức; mức 2 là công bố tương đối cụ thể, có hoạt động, số liệu, kết quả, mục tiêu hoặc cam kết rõ ràng.

Bảng 2. Xây dựng chỉ số công bố thông tin phát triển bền vững (SDI)

Tiêu chí	Nội dung quan sát	0 điểm	1 điểm	2 điểm
Môi trường	Thông tin về tiết kiệm năng lượng, giảm giấy, hoạt động xanh, quản lý môi trường, sử dụng tài nguyên	Không có công bố	Có công bố nhưng ngắn, chung chung, hình thức	Có công bố cụ thể, tương đối đầy đủ, có hoạt động/số liệu/kết quả/mục tiêu
Xã hội/người lao động	Thông tin về đào tạo, phúc lợi, bình đẳng, chăm sóc sức khỏe, phát triển nhân sự	Không có công bố	Có công bố nhưng ngắn, chung chung, hình thức	Có công bố cụ thể, tương đối đầy đủ, có hoạt động/số liệu/kết quả/mục tiêu
Quản trị doanh nghiệp	Thông tin về quản trị minh bạch, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tuân thủ, đạo đức kinh doanh	Không có công bố	Có công bố nhưng ngắn, chung chung, hình thức	Có công bố cụ thể, tương đối đầy đủ, có hoạt động/số liệu/kết quả/mục tiêu
Cộng đồng/trách nhiệm xã hội	Thông tin về hoạt động cộng đồng, an sinh xã hội, tài trợ, từ thiện, hỗ trợ giáo dục/y tế	Không có công bố	Có công bố nhưng ngắn, chung chung, hình thức	Có công bố cụ thể, tương đối đầy đủ, có hoạt động/số liệu/kết quả/mục tiêu
Cam kết/mục tiêu PTBV	Thông tin về chiến lược, định hướng, mục tiêu hoặc cam kết phát triển bền vững	Không có công bố	Chỉ nêu định hướng chung	Có mục tiêu/cam kết/định hướng rõ ràng, tương đối cụ thể

*Nguồn: Tác giả xây dựng*

Tổng điểm tối đa của một doanh nghiệp trong một năm là 10 điểm. Chỉ số SDI được tính như sau:

$$SDI_{-it} = \frac{\text{Tổng điểm công bố thông tin phát triển bền vững của doanh nghiệp } i \text{ năm } t}{10} \quad (1)$$

SDI nhận giá trị từ 0 đến 1; giá trị càng cao cho thấy mức độ công bố càng đầy đủ. Nghiên cứu sử dụng trọng số bằng nhau cho 5 nhóm tiêu chí để bảo đảm cách tính rõ ràng, dễ kiểm tra và phù hợp với mục tiêu mô tả. Mức công bố được phân thành ba nhóm: cao nếu SDI từ 0,70 trở lên; trung bình nếu SDI từ 0,40 đến dưới 0,70; thấp nếu SDI dưới 0,40.

### 3.4. Quy trình chấm điểm và xử lý dữ liệu

Quy trình chấm điểm gồm ba bước. Thứ nhất, nhóm nghiên cứu thu thập báo cáo thường niên và xác định các phần liên quan đến môi trường, người lao động, quản trị, cộng đồng và định hướng phát

triển bền vững. Thứ hai, từng nội dung được đối chiếu với Bảng 3.2 để chấm điểm 0, 1 hoặc 2. Thứ ba, kết quả được rà soát chéo nhằm bảo đảm cách hiểu nhất quán giữa các doanh nghiệp và các năm.

Thông tin lặp lại trong cùng một báo cáo chỉ được ghi nhận một lần nếu không có nội dung mới. Trường hợp doanh nghiệp chỉ nêu định hướng chung, tiêu chí được chấm 1 điểm. Trường hợp có hoạt động cụ thể, số liệu, kết quả hoặc cam kết rõ ràng, tiêu chí được chấm 2 điểm.

Sau khi chấm điểm, nghiên cứu tính SDI theo từng doanh nghiệp-năm, SDI bình quân giai đoạn và SDI trung bình toàn mẫu theo từng năm. Các kết quả này được

dùng để so sánh mức độ công bố giữa các doanh nghiệp và phân tích xu hướng thay đổi trong giai đoạn 2020-2024.

### 3.5. Giới hạn phương pháp

Kết quả nghiên cứu phản ánh mức độ công bố trong báo cáo thường niên, không trực tiếp đo lường chất lượng thực hiện phát triển bền vững trong thực tế. Thang điểm 0-2 giúp việc chấm điểm rõ và dễ so sánh, nhưng chưa phản ánh đầy đủ chiều sâu của từng nội dung. Vì vậy, kết quả cần được hiểu là bằng chứng mô

tả, không phải kết luận về quan hệ nhân quả hay chất lượng phát triển bền vững thực chất của từng doanh nghiệp.

## IV. Kết quả và thảo luận

### 4.1. Kết quả chung về mức độ công bố

Kết quả tính toán cho thấy mức độ công bố thông tin phát triển bền vững của các doanh nghiệp bảo hiểm niêm yết trên HOSE và HNX tăng rõ trong giai đoạn 2020-2024. Kết quả chi tiết được trình bày ở Bảng 3.

Bảng 3. Chỉ số SDI của các doanh nghiệp bảo hiểm niêm yết giai đoạn 2020-2024

Mã cổ phiếu	2020	2021	2022	2023	2024	SDI bình quân 2020-2024	Nhóm công bố
BIC	0.90	0.90	0.90	0.90	0.90	<b>0.90</b>	Cao
BMI	0.40	0.70	0.70	0.80	0.80	<b>0.68</b>	Trung bình
BVH	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	<b>1.00</b>	Cao
MIG	0.80	1.00	1.00	1.00	1.00	<b>0.96</b>	Cao
PGI	0.70	0.70	0.80	1.00	0.90	<b>0.82</b>	Cao
PRE	0.60	0.70	0.70	0.70	0.90	<b>0.72</b>	Cao
PTI	0.40	0.40	0.70	0.90	0.90	<b>0.66</b>	Trung bình
PVI	0.80	0.80	1.00	1.00	1.00	<b>0.92</b>	Cao
VNR	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	<b>1.00</b>	Cao
<b>SDI trung bình toàn mẫu</b>	<b>0.73</b>	<b>0.80</b>	<b>0.87</b>	<b>0.92</b>	<b>0.93</b>	<b>0.85</b>	

Nguồn: Tác giả tổng hợp tính toán chỉ số dựa trên thông tin từ BCTN

Theo Bảng 3, SDI trung bình toàn mẫu tăng liên tục, từ 0,73 năm 2020 lên 0,93 năm 2024; bình quân cả giai đoạn đạt 0,85. Điều này cho thấy công bố thông tin phát triển bền vững đã trở thành nội dung tương đối ổn định trong báo cáo thường niên của nhóm doanh nghiệp bảo hiểm niêm yết.

Tuy vậy, cần hiểu đúng phạm vi của kết quả. SDI phản ánh mức độ thông tin được công bố, không trực tiếp đo lường chất lượng thực hiện phát triển bền vững trong thực tế. Vì vậy, chỉ số này cho biết doanh nghiệp công bố đầy đủ đến đâu,

chứ chưa cho phép kết luận doanh nghiệp thực hiện tốt hay chưa tốt.

### 4.2. Sự khác biệt giữa các doanh nghiệp

Sự phân hóa giữa các doanh nghiệp thể hiện rõ. BVH và VNR đạt SDI bình quân 1,00 trong toàn bộ giai đoạn. MIG, PVI, BIC và PGI cũng thuộc nhóm công bố cao, với SDI từ 0,82 đến 0,96. PRE đạt 0,72, vừa vượt ngưỡng nhóm cao nhưng còn cách nhóm dẫn đầu. BMI và PTI đạt 0,68 và 0,66, thuộc nhóm trung bình.

Khác biệt này có thể gắn với quy mô, vị thế thị trường, mạng lưới hoạt động và đặc thù nghiệp vụ. BVH, PVI,

MIG và BIC là các doanh nghiệp có mức hiện diện thị trường rõ, phạm vi hoạt động rộng hoặc gắn với các hệ sinh thái lớn như bảo hiểm tổng hợp, năng lượng, quân đội và ngân hàng. Vì vậy, áp lực minh bạch từ cổ đông, khách hàng, đối tác và cơ quan quản lý có thể cao hơn. Công bố phát triển bền vững, trong trường hợp này, gắn trực tiếp với uy tín thương hiệu và niềm tin thị trường.

VNR và PRE cùng thuộc nhóm tái bảo hiểm, nhưng SDI khác biệt đáng kể: VNR đạt 1,00, PRE đạt 0,72. Điều này cho thấy cùng một đặc thù nghiệp vụ vẫn có thể có cách trình bày thông tin khác nhau. Với BMI và PTI, mức bình quân thấp hơn chủ yếu do điểm xuất phát thấp trong các năm đầu, không phải do thiếu cải thiện ở cuối kỳ. Khoảng cách giữa các doanh nghiệp vì thế nằm ở mức độ cụ thể, đầy đủ và ổn định của thông tin công bố.

#### **4.3. Xu hướng thay đổi theo thời gian**

SDI trung bình toàn mẫu tăng liên tục, từ 0,73 năm 2020 lên 0,87 năm 2022, sau đó đạt 0,93 năm 2024. Giai đoạn 2020-2022 là thời kỳ mở rộng nội dung công bố; giai đoạn sau thiên về duy trì và hoàn thiện.

Ở cấp độ doanh nghiệp, BMI, PTI và PRE cải thiện rõ nhất. BMI tăng từ 0,40 lên 0,80; PTI tăng từ 0,40 lên 0,90; PRE tăng từ 0,60 lên 0,90. Ngược lại, BVH và VNR đã đạt 1,00 ngay từ năm 2020; BIC ổn định ở mức 0,90; MIG và PVI sớm đạt 1,00 rồi duy trì đến cuối kỳ.

Như vậy, quá trình cải thiện không đồng đều. Một số doanh nghiệp có nền công bố đầy đủ ngay từ đầu, trong khi một số doanh nghiệp cải thiện mạnh ở giai đoạn sau. Kết quả này gợi ý rằng quy

mô vốn, vị thế thị trường, mạng lưới hoạt động và yêu cầu quản trị nội bộ có thể ảnh hưởng đến mức độ công bố. Tuy nhiên, do nghiên cứu chưa kiểm định bằng mô hình định lượng, nhận định này chỉ có ý nghĩa giải thích mô tả.

#### **4.4. Thảo luận kết quả**

Kết quả cho thấy công bố thông tin phát triển bền vững của các doanh nghiệp bảo hiểm niêm yết đã cải thiện rõ trong giai đoạn 2020-2024, nhưng vẫn phân hóa giữa các doanh nghiệp. Mức SDI tương đối cao có thể do bộ tiêu chí không chỉ đo thông tin môi trường, mà còn bao gồm người lao động, quản trị doanh nghiệp, cộng đồng và cam kết dài hạn. Đây là những nội dung gắn với đặc thù ngành bảo hiểm.

So với Nguyễn và cộng sự (2019), kết quả của nghiên cứu này cao hơn vì phạm vi đo lường rộng hơn công bố môi trường. Tuy nhiên, kết quả lại tương đồng với Phan và cộng sự (2024) ở điểm mức độ công bố vẫn khác biệt đáng kể giữa các doanh nghiệp. Sự khác biệt này có thể gắn với quy mô vốn, vị thế thị trường, mạng lưới hoạt động và đặc thù nghiệp vụ, nhưng nghiên cứu chưa kiểm định quan hệ nhân quả nên chỉ xem đây là gợi ý giải thích.

Kết quả cũng phù hợp với Marti và cộng sự (2024) khi nhấn mạnh vai trò của minh bạch thông tin trong ngành bảo hiểm. Từ góc độ lý thuyết các bên liên quan và lý thuyết tính chính danh, doanh nghiệp bảo hiểm công bố thông tin phát triển bền vững để đáp ứng kỳ vọng của cổ đông, khách hàng, cơ quan quản lý và cộng đồng. Vì vậy, vấn đề hiện nay không chỉ là có công bố hay không, mà là công bố cụ thể, ổn định và có khả năng so sánh đến mức nào.

## V. Kết luận

Nghiên cứu đo lường và mô tả mức độ công bố thông tin phát triển bền vững của 9 doanh nghiệp bảo hiểm niêm yết trên HOSE và HNX giai đoạn 2020-2024. Kết quả cho thấy SDI trung bình toàn mẫu tăng từ 0,73 năm 2020 lên 0,93 năm 2024, phản ánh xu hướng công bố ngày càng ổn định hơn trong báo cáo thường niên. Tuy vậy, sự khác biệt giữa các doanh nghiệp vẫn rõ; một số doanh nghiệp duy trì mức công bố cao trong toàn kỳ, trong khi một số chỉ cải thiện mạnh ở các năm gần đây.

Hàm ý từ kết quả này cần được nhìn theo ba nhóm. Đối với doanh nghiệp bảo hiểm, trọng tâm là nâng cao chất lượng công bố, nhất là các nội dung còn chung chung, thiếu số liệu hoặc thiếu mục tiêu cụ thể. Đối với cơ quan quản lý, Sở giao dịch chứng khoán và Bộ Tài chính, cần có hướng dẫn rõ hơn về cấu trúc, tiêu chí và mức độ chi tiết của thông tin phát triển bền vững để tăng khả năng so sánh. Đối với nhà đầu tư và người sử dụng báo cáo, SDI có thể được dùng như chỉ báo tham khảo ban đầu về mức độ minh bạch, nhưng không thay thế cho đánh giá sâu về chất lượng thực hiện.

Nghiên cứu còn hạn chế. Chỉ số SDI chủ yếu phản ánh mức độ công bố, chưa đo lường chất lượng thực chất của từng nội dung. Bài viết cũng dừng ở mô tả định lượng, chưa kiểm định các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi công bố. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng mẫu sang UPCoM, hoàn thiện bộ tiêu chí chi tiết hơn và xem xét vai trò của quy mô, thị phần, mạng lưới hoạt động hoặc đặc thù nghiệp vụ đối với mức độ công bố.

## Tài liệu tham khảo

- Bộ Tài chính. (2020). *Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*. Công Thông tin điện tử Chính phủ. <https://chinhphu.vn/?docid=201902&pageid=27160>
- Chiaramonte, L., Dreassi, A., Paltrinieri, A., & Piserà, S. (2020). Sustainability practices and stability in the insurance industry. *Sustainability*, 12(14), Article 5530. <https://doi.org/10.3390/su12145530>
- Du Toit, E. (2024). Thirty years of sustainability reporting: Insights, gaps and an agenda for future research through a systematic literature review. *Sustainability*, 16(23), Article 10750. <https://doi.org/10.3390/su162310750>
- Marti, A., Bastida-Vialcanet, R., & Marimon, F. (2024). A systematic literature review: ESG criteria implementation in the insurance industry. *Intangible Capital*, 20(1), 193-214. <https://doi.org/10.3926/ic.2426>
- Nguyen, H. C., Nguyen, P. M. H., Tran, B. H., Nguyen, T. T. N., Hoang, L. T. T., & Do, T. T. H. (2022). Integrated reporting disclosure alignment levels in annual reports by listed firms in Vietnam and influencing factors. *Meditari Accountancy Research*, 30(6), 1543-1570. <https://doi.org/10.1108/MEDAR-02-2020-0710>
- Nguyen, T. K. T., Nguyen, N. T., & Nguyen, T. M. H. (2019). Assessing the level of environmental information disclosure by listed companies on the stock market in Vietnam. *Problems and Perspectives in Management*, 17(3), 207-217. [https://doi.org/10.21511/ppm.17\(3\).2019.17](https://doi.org/10.21511/ppm.17(3).2019.17)
- Papoutsis, A., & Sodhi, M. S. (2020). A sustainability disclosure index using corporate sustainability reports. *Journal of Sustainability Research*, 2(2), Article e200020. <https://doi.org/10.20900/jsr20200020>

- Phan, T. A. N., Mai, D. N., Bui, V. D., & Do, V. P. (2024). Factors influencing environmental and circular economy disclosure of Viet Nam listed companies. *CTU Journal of Innovation and Sustainable Development*, 16(3), 71-83. <https://doi.org/10.22144/ctujoisd.2024.308>
- PwC Vietnam. (2023). *Public listed companies in Viet Nam: The state of ESG commitment and sustainability reporting*. PwC. <https://www.pwc.com/vn/en/publications/Vietnam-publications/public-listed-companies-vn-esg-sustainability.html>
- Roberts, R. W. (1992). Determinants of corporate social responsibility disclosure: An application of stakeholder theory. *Accounting, Organizations and Society*, 17(6), 595-612. [https://doi.org/10.1016/0361-3682\(92\)90015-K](https://doi.org/10.1016/0361-3682(92)90015-K)
- Suchman, M. C. (1995). Managing legitimacy: Strategic and institutional approaches. *Academy of Management Review*, 20(3), 571-610. <https://doi.org/10.5465/amr.1995.9508080331>

## SUSTAINABILITY DISCLOSURE BY INSURANCE COMPANIES LISTED ON HOSE AND HNX DURING 2020-2024

Nguyen Anh Tu<sup>1</sup>, Nguyen Thuy Linh<sup>1</sup>

**Abstract:** *This study examines sustainability disclosure by nine insurance and reinsurance companies listed on the Ho Chi Minh Stock Exchange and the Hanoi Stock Exchange in Vietnam during 2020-2024. Based on 45 firm-year observations collected from officially published annual reports, the study applies content analysis and constructs a sustainability disclosure index (SDI). The index covers five groups of criteria: environmental information, social and employee-related information, corporate governance, community and social responsibility, and sustainability goals and commitments. The results show that the average SDI of the full sample increased from 0.73 in 2020 to 0.93 in 2024, with a period average of 0.85. This indicates a clear improvement in the extent of sustainability disclosure among listed insurance companies. However, differences across firms remain evident, especially between firms with consistently high disclosure and those improving only in recent years. The findings provide descriptive evidence for Vietnam's listed insurance sector and suggest the need to improve disclosure quality, consistency, and comparability.*

**Keywords:** *sustainability disclosure, insurance companies, listed firms, annual reports, disclosure index*

---

<sup>1</sup> Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam